

Số: 34/2019/QĐST-HC

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 143, Điều 144 và Điều 145 của Luật tổ tụng hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HC, ngày 21/6/2019, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Xét thấy: Ngày 27/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn P, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết hủy một phần quyết định 723/1998/QĐ-UB ngày 26/11/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L, đối với thửa đất 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² đất 1 lúa; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00442 QSDĐ/723/1998/QĐ-UB/H ngày 26/11/1998 do UBND thành phố TN cấp mang tên hộ bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² đất 1 lúa; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U772537 do UBND thành phố TN cấp ngày 19/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² đất 1 lúa, với lý do: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² loại đất 1 lúa là không đúng nguồn gốc đất, diện tích đất, loại đất, đối tượng sử dụng đất và không đúng quy định theo thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, vì thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 gia đình bà L đang sử dụng 297,1m², gia đình ông P sử dụng 230m², tổ dân phố số 18 và một số hộ dân sử dụng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định:

Gia đình bà Nguyễn Thị L được UBND thành phố TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 684420, số vào sổ 00442 QSDĐ/723/1998/QĐ-UB/H ngày 26/11/1998 diện tích đất 2.663,60m² trong đó có thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m², mục đích sử dụng 1 lúa, theo quyết định số 723/1998/QĐ-UB ngày 26/11/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố TN về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001 bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Nguyễn Mạnh H, trong đó có thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m², mục đích sử dụng 1 lúa và được UBND thành phố TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U772537 ngày 19/12/2001.

Đầu năm 2011 gia đình ông Nguyễn Mạnh H có đơn đề nghị UBND phường ĐQ xác định ranh giới của thửa số 16 tờ bản đồ địa chính số 5.

Ngày 02/3/2011, UBND phường ĐQ tiến hành kiểm tra hiện trạng thửa đất đối với hộ ông Nguyễn Mạnh H và các hộ giáp ranh có liên quan là bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn P và bà Hoàng Thị Hà. Nội dung thể hiện: *“Về hồ sơ đất: Ông Nguyễn Mạnh H được UBND thành phố TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U772537 cấp ngày 19/12/2001 với tổng diện tích 3615,6m² (trong đó có thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² loại đất 1 lúa)....kết luận: Tại thời điểm kiểm tra thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5 có sự tranh chấp, yêu cầu các gia đình giữ nguyên hiện trạng..., các hộ giáp ranh cung cấp hồ sơ sử dụng đất cho UBND phường để làm căn cứ giải quyết”*.

Ngày 10/01/2012 UBND phường ĐQ tiến hành hòa giải trong lĩnh vực đất đai giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị L, kết quả hòa giải không thành.

Ngày 15/4/2012 bà Phạm Thị L có đơn đề nghị UBND thành phố TN và UBND phường ĐQ xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 16 tờ bản đồ 5 diện tích 758,7m² loại đất 1 lúa lần vào phần đất của gia đình bà đang sử dụng và đề nghị thu hồi thửa đất trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U772537 do UBND thành phố TN cấp ngày 19/12/2001 mang tên ông Nguyễn Mạnh H, do bản đồ địa chính vẽ sai loại đất, sai hình thể, sai diện tích.

Ngày 18/5/2012 ông Nguyễn Mạnh H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố TN về tranh chấp đất đai đối với bà Phạm Thị L diện tích 313m² đối với thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5.

Ngày 28/5/2012 Tòa án nhân dân thành phố TN đã thụ lý và giải quyết vụ án. Do có kháng cáo, ngày 26/3/2014 Tòa án nhân dân tỉnh TN đã xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố TN giải quyết lại vụ án theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân thành phố TN đã thụ lý lại vụ án và giải quyết. Do có kháng cáo, ngày 28/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh TN đã đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự, với lý do: Người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan.

Ngày 13/6/2012 phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố TN ban hành Văn bản số 590a/CV-TN và MT, về việc trả lời đơn của bà Phạm Thị L. Nội dung thể hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 772537 ngày 19/12/2001 cho ông Nguyễn Mạnh H là đúng quy định do toàn bộ diện tích đất được bà Nguyễn Thị L tặng cho, giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị L số N 684420, số vào sổ 00442 QSDĐ/723/1998/QĐ-UB/H ngày 26/11/1998 do UBND thành phố TN cấp. Việc giải quyết tranh chấp ranh giới giữa ông H và bà L tại thửa 16 tờ bản đồ số 5 đã được UBND phường ĐQ hòa giải không thành, căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 thì đề nghị của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Ngày 02/9/2012 ông Nguyễn Văn P có đơn khiếu nại đến Chánh thanh tra thành phố TN, khiếu nại một phần quyết định số 723/1998/QĐ-UB ngày 26/11/1998 của UBND thành phố TN về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thể hiện nội dung: *“...Đến đầu năm 2012 tôi mới phát hiện thửa đất tôi đang sử dụng đã được vẽ bản đồ địa chính thửa 16 tờ bản đồ số 5 diện tích đất 758,7m² loại đất 1 lúa. Năm 1998 UBND thành phố TN đã cấp thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị L, bà L được cấp giấy chứng nhận QSD đất số 00442 ngày 26/11/1998, năm 2001 bà L chuyển toàn bộ diện tích đất được cấp cho con là Nguyễn Mạnh H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U772537, cấp ngày 19/12/2001”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Phạm Thị L tại Tòa án nhân dân thành phố TN và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, thì gia đình bà L và ông P có nhiều đơn đề nghị, khiếu nại gửi đến Hội đồng nhân dân thành phố TN, Ủy ban nhân dân tỉnh TN, Chủ tịch UBND tỉnh TN, Chủ tịch UBND thành phố TN, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố TN, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN... về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5 cho bà L tại quyết định 723/QĐ-UBND ngày 26/11/1998 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố TN cấp cho ông H năm 2001, đối với thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² do nhận chuyển nhượng từ bà L.

Sau khi nhận được đơn đề nghị của gia đình bà L, Chủ tịch UBND tỉnh TN đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố TN kiểm tra xem xét lại việc đo đạc bản đồ địa chính năm 1995 và chỉnh lý đối với thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5; xem xét lại trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà L đối với thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5 và báo cáo kết quả về UBND tỉnh TN.

Ngày 12/7/2013 Sở Tài Nguyên và Môi trường ban hành văn bản số 767/STNMT-Ttra báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh TN về kết quả xem xét đơn của gia đình bà L, phần nơi nhận có gửi cho các cơ quan liên quan và bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn P.

Ngày 13/12/2013 UBND thành phố TN ban hành Văn bản số 1532/UBND-TNMT báo cáo UBND tỉnh TN xem xét và chỉ đạo giải quyết, phần nơi nhận có gửi cho các cơ quan liên quan và bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn P; tại mục II nhận xét và kiến nghị có nội dung: *“Bà Nguyễn Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16 tờ bản đồ địa chính số 5 phường ĐQ là đảm bảo đúng người sử dụng đất, đúng nguồn gốc sử dụng đất.*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 36 Luật đất đai năm 2003 quy định như sau: “Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì Tòa án nhân dân giải quyết” vì vậy việc tranh chấp quyền sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị L có

chồng là ông Mã Văn Tự đối với hộ ông Nguyễn Mạnh H (con bà Nguyễn Thị L) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Việc xem xét giải quyết đề nghị của ông Mã Văn Tự đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L tại thửa số 16, tờ bản đồ địa chính số 5 phường ĐQ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ được thực hiện khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Vậy, UBND thành phố TN báo cáo UBND tỉnh TN xem xét chỉ đạo giải quyết”.

Ngày 02/9/2014 và ngày 01/6/2014 bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn P có đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 16 cho bà Nguyễn Thị L tại quyết định 723 ngày 26/11/1998 của UBND thành phố TN và có nội dung khiếu nại Văn bản số 1532/UBND-TNMT ngày 13/12/2013 UBND thành phố TN đến các cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 08/10/2014 UBND thành phố TN ban hành Thông báo số 621/UBND-VP về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn P vì Quyết định hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn P.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản đối thoại ngày 26/11/2019 người đại diện hợp pháp cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn P xác nhận trong quá trình Tòa án giải quyết dân sự, gia đình có gửi đơn đề nghị, khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5 cho bà L tại quyết định 723/QĐ-UBND ngày 26/11/1998 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố TN cấp cho ông H năm 2001, đối với thửa đất số 16 tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² do nhận chuyển nhượng từ bà L và có nội dung khiếu nại văn bản 1532 của UBND thành phố TN đến các cơ quan có thẩm quyền nhưng không được giải quyết.

Như vậy, từ năm 2011 - 2012 bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn P đã biết được quyết định 723/1998/QĐ-UB ngày 26/11/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố TN về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L, đối với thửa đất 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00442 QSDĐ/723/1998/QĐ-UB/H ngày 26/11/1998 do UBND thành phố TN cấp mang tên hộ bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U772537 do UBND thành phố TN cấp ngày 19/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5 diện tích 758,7m² là đối tượng khởi kiện của vụ án. Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn P đã có đơn đề nghị, đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, nhưng hết thời hạn khiếu nại mà không được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đến ngày 27/3/2019 bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn P, mới khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TN giải quyết hủy một phần các quyết định hành chính nêu trên là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3

Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định:

“Điều 116. Thời hiệu khởi kiện

1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2.

3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

a)...

b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại.

Lý do của việc hết thời hiệu khởi kiện không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 145 của Luật tổ tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 15/2019 /TLST-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa:

*** Người khởi kiện:**

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1945

Địa chỉ: Tổ 18, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 18, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Dương Văn Đ – Văn phòng luật sư ĐN thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 18, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố TN

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Du, thành phố TN, tỉnh TN

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Quang M, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố TN.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 16, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 16, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN.

3. Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 27, phường Quang Trung, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp trừ các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123 và điểm b và điểm đ Điều 143 của Luật tố tụng hành chính và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Trả lại cho bà Phạm Thị L 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo biên lai thu số 0008791 ngày 10/6/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh TN.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn P 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo biên lai thu số 0008792 ngày 10/6/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh TN.

4. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh TN;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị N